

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TR
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02- 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TR, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mến**

2. Bà **Lê Thị Trúc Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị **Dương Bích Th**, sinh năm 1988: có đơn xin vắng mặt

2. *Bị đơn:*Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1979: vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Bích Th trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn Q có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/12/2006. Thời gian chung sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng gần 02 năm nay phát sinh mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, ham mê số đề và có quan hệ với người

phụ nữ khác. Sự việc mâu thuẫn kéo dài dẫn đến ly thân được 01 năm nay không còn khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 29/4/2008 hiện do chị Th đang nuôi. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn Q không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không lý do.

Tại biên bản ngày 18/12/2019, bà Nguyễn Thị L là cô ruột của anh Nguyễn Văn Q trình bày do chị Th ghen tuông anh Q với người khác, sau khi chị Th có đơn ly hôn, anh Q có điện thoại tìm yêu cầu chị Th về chung sống nhưng không đoàn tụ được.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110 ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long, chị Dương Bích Th và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

Theo bản sao giấy khai sinh số 84 ngày 29/12/2006 và bản sao giấy khai sinh số 95/2008 ngày 23/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tr, cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 29/4/2008 là con chung của chị Dương Bích Th và anh Nguyễn Văn Q.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần hai không lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147; các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Dương Bích Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q

- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 29/4/2008 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí, nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Bích Th và anh Nguyễn Văn Q là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa chị Th và anh Q đã có mâu thuẫn và thời gian ly thân kéo dài từ năm 2018 đến nay, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 29/4/2008. Xét con chung Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thị Bảo Nh trên 07 tuổi có nguyện vọng tiếp tục sống với chị Th, anh Q không có ý kiến phản đối nên giao cho chị Dương Bích Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu và cam kết nuôi con đảm bảo nên không anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp, bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 227, 238, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Dương Bích Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc D, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Thị Bảo Nh, sinh ngày 29/4/2008 cho chị Dương Bích Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Q không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Bích Th có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn. Trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015681 ngày 03/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, chị Th đã nộp xong

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã L;
- (GCN kết hôn số 110 ngày 27/12/2006)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu